



Trường Chính sách Công và Quản lý Fullbright
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03.07.2018

Luật Doanh nghiệp và Khu vực Kinh tế tư nhân

Lê Đăng Doanh

Bố cục

- Hoàn cảnh lịch sử
- Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân 1990
- Quá trình soạn thảo và thông qua Luật Doanh nghiệp
- Tổ chức thực hiện
- Bài học kinh nghiệm

HOÀN CẢNH LỊCH SỬ

- 1997 Việt Nam bị cuộc khủng hoảng tài chính khu vực tác động khá mạnh: GDP năm 1998 chỉ tăng trưởng 4,8%, mức thấp nhất từ khi đổi mới, FDI giảm mạnh. Yêu cầu phát huy nội lực trở nên cần thiết cấp bách để tiếp tục tăng trưởng.
- Ngày 28.12.1997 Tổng Bí th Đỗ Mười được TBT Lê Khả Phiêu thay thế tại Hội Nghị IV của TW Đảng. Hội nghị TW IV cũng có Nghị Quyết với nhiều nội dung đổi mới quan trọng.
- Thủ tướng Phan Văn Khải thay Thủ tướng Võ Văn Kiệt (9.1997).
- Lúc đầu chỉ muốn bổ sung, sửa đổi 2 Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp T nhân 1990. Sau đó, thấy cần thiết và có thể thay thế bằng một Luật thống nhất cả hai luật, hoàn toàn mới, không lệ thuộc vào luật cũ đã ban hành năm 1990.
- Việc chuẩn bị và thông qua Luật Doanh nghiệp 1999 là một cuộc đấu tranh gian khổ, không dễ dàng.

KINH TẾ KẾ HOẠCH HOÁ TẬP TRUNG

- Mô hình kinh tế xuất hiện tại Đức trong Đại Chiến I (1914), được áp dụng tại Liên Xô, sau đó trong tất cả các nước tham chiến Đại Chiến II (1939-1945) . Sau Đại Chiến II được các nước phương Tây bãi bỏ và chuyển sang kinh tế thị trường (1946-1949). Các nước XHCN tiếp tục duy trì, có nhiều nỗ lực cải cách từng bộ phận nhưng không thành công và không vượt qua được những nguyên tắc của mô hình kinh tế tập thể hoá, tập trung và kế hoạch hiện vật.
- Ưu điểm: Thích hợp trong chiến tranh và trong giai đoạn ngắn hạn khi cần tập trung cao độ nguồn lực xã hội cho một mục tiêu nhất định như bảo vệ Tổ Quốc , công nghiệp hoá ở Liên Xô.

KINH TẾ KẾ HOẠCH HOÁ TẬP TRUNG

Nhược điểm: - Tập trung quan liêu vào một trung tâm, nền kinh tế thiếu năng động, linh hoạt. Đầu tư kém hiệu quả, cần quá nhiều vốn, tài nguyên để đạt được tăng trưởng (P.Krugman). Pháp luật bị xem nhẹ, mệnh lệnh cá nhân, quan hệ cá nhân là quan trọng.

- Chậm thích nghi với biến động thị trường thế giới và tiến bộ khoa học công nghệ. Quá trình quyết định chậm do tập trung quan liêu.

- Hệ thống đòn bẩy không thích hợp, động lực, kỷ luật thấp. Không có cạnh tranh, các doanh nghiệp kém hiệu quả đều tồn tại. Xã hội thiếu năng động, thiếu sáng kiến.

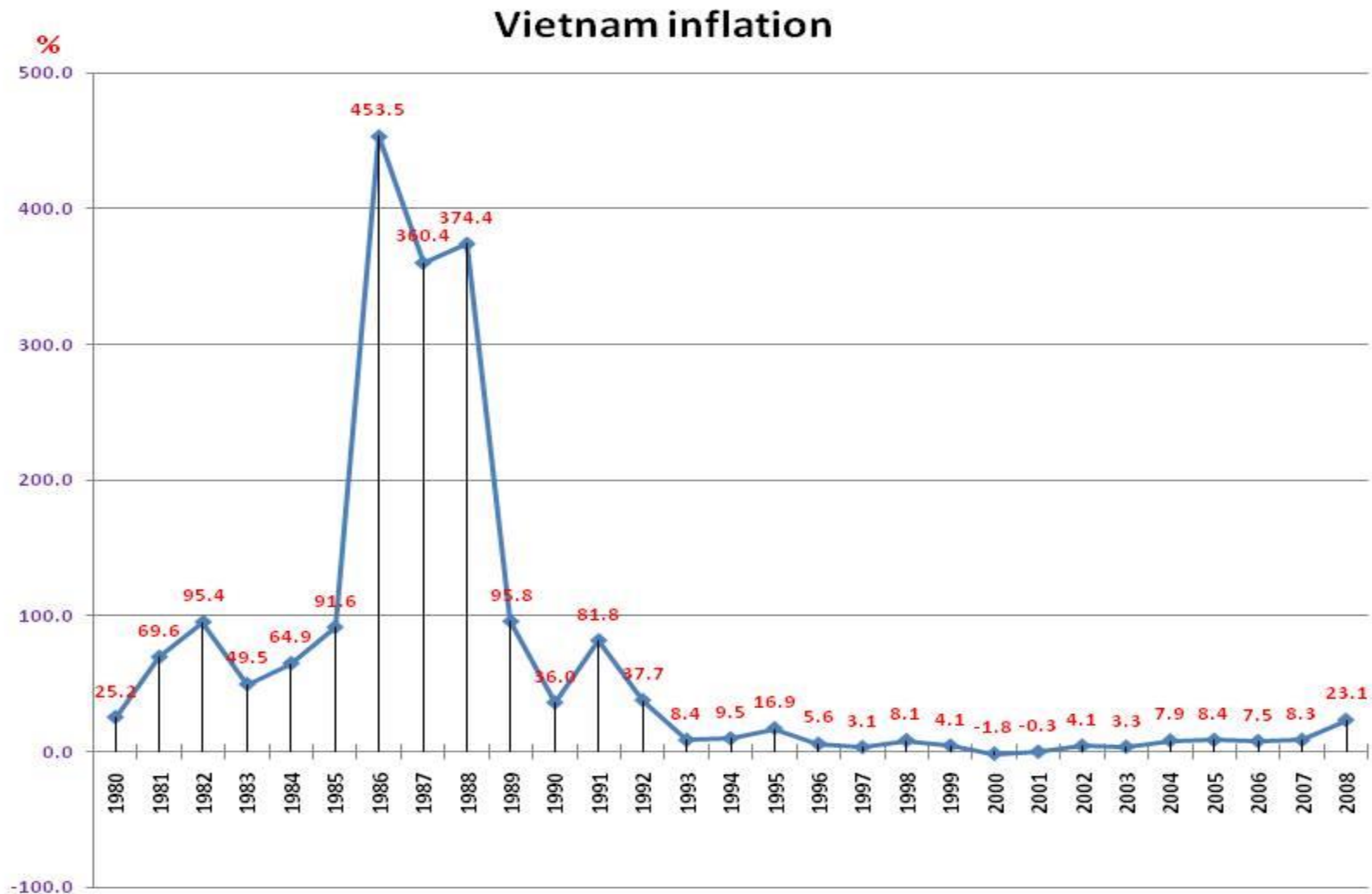
- Luôn tạo ra d thừa và thiếu hụt trong xã hội về hàng tiêu dùng. Đời sống chậm được cải thiện. Khi sụp đổ, nền kinh tế Liên Xô đã mắc nợ lớn và không còn điều khiển được từ trung tâm một cách có hiệu quả.

- Đại Hội VI (1986) Đảng CSVN đã phê phán gay gắt cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

HỆ QUẢ ĐỐI VỚI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- Doanh nghiệp không có quyền tự chủ, không cần nghiên cứu thị trường, không cần phải năng động. Doanh nghiệp không được đánh giá bởi khách hàng hay thị trường mà được đánh giá một cách chủ quan bởi cấp trên.
- Điều quan trọng đối với doanh nghiệp là có các mối “quan hệ” để được “xét duyệt” kế hoạch, “điều chỉnh” kế hoạch và “xác nhận hoàn thành” kế hoạch.
- Doanh nghiệp chỉ quản lý sản xuất, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao, không cần xây dựng chiến lược phát triển dài hạn và các việc đó đã có kế hoạch quyết định.
- Không quan tâm đến hiệu quả do được bao cấp.

Lạm phát và khủng hoảng kinh tế-xã hội



Kinh tế kế hoạch hóa tập trung không hiệu quả

Sectoral GDP Growth Rates chain-linked index, base year 1975

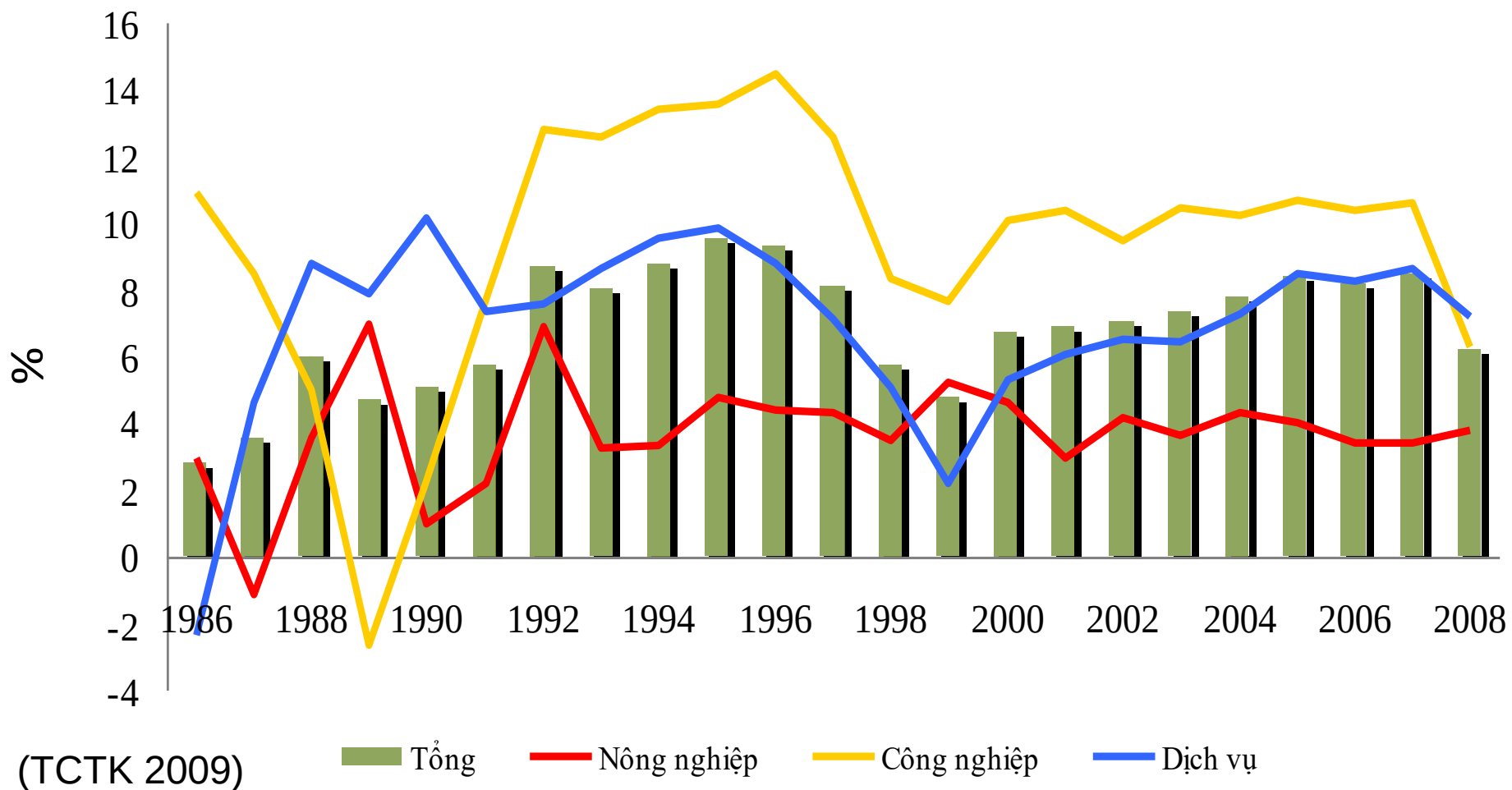
Year	Total GDP	Agriculture	Industries	Services
1977	105.3	100.7	113.2	104.9
1978	101.1	93.6	107.5	109.0
1979	98.2	103.3	95.4	92.4
1980	96.4	105.6	88.7	87.8
1981	102.3	104.3	99.9	100.7

Source: Dang Phong (ed.), *Vietnam's Economic History 1975-2000*.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 1986-2008

Pillar: Total GDP, - Industries, - Services, - Agriculture

Tốc độ tăng trưởng GDP (%)



LUẬT CÔNG TY VÀ LUẬT DOANH NGHIỆP T NHÂN 1990

- Luật được chuẩn bị và ban hành trong những ngày đầu của công cuộc Đổi Mới khi chưa có thực tế làm căn cứ để xây dựng Luật, khi mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung, vai trò nhà nước chỉ huy kinh tế vẫn còn ngự trị trong lãnh đạo, khi nghi ngờ và thành kiến đối với kinh tế tư nhân còn nặng nề. Quốc Hội cũng chưa đọc chuẩn bị cho thông qua một luật đổi mới và chi tiết về doanh nghiệp tư nhân.
- Dự thảo ban đầu do Viện Nghiên Cứu QLKTTW chuẩn bị, Bộ Tư Pháp trình, mô phỏng theo Luật Công ty của Miền Nam trước 1975 với hơn 300 điều bị Quốc Hội bác bỏ. Luật được Quốc Hội thông qua chỉ có 34 điều, quá đơn giản, Chủ tịch tỉnh, thành phố phải ký cho phép thành lập công ty, phải có vốn pháp định tối thiểu quy định cho từng ngành, nghề. Bản thân việc thông qua là một tiến bộ lớn trong hoàn cảnh bấy giờ, mặc dầu nội dung còn nhiều hạn chế.

QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

- Điều tra thực tế thi hành Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế với sự trợ giúp của UNDP, GTZ và một số tổ chức quốc tế khác. Trao đổi với các bộ, ngành không thu thập được thông tin gì có ích vì các bộ không quan tâm, không có thông tin gì về kinh tế tư nhân.
- Điều tra từ các doanh nghiệp cho thấy một bức tranh đáng báo động: Muốn được Chủ tịch tỉnh, thành phố ký phải có 35 chữ ký và 32 con dấu, mất từ 6 tháng đến 3 năm, thường là 1 năm; chi phí về thời gian và tiền bạc rất lớn, chỉ có thân quen mới qua được; chỉ tiêu vốn pháp định trong thực tế không có hiệu lực và tác dụng gì với người thành lập chỉ cần vay vốn gửi vào một tài khoản, sau khi thành lập lại rút ra để lừa cổ đông thiểu số. Phát hiện quan trọng đầu tiên về thực trạng bộ máy nhà nước, gây ra khá nhiều sóng gió.

NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

- Lựa chọn mô hình Anglo-Saxon hay mô hình Châu Âu, cụ thể là Pháp? Đột phá bắt đầu từ sự nghi ngờ tính hiệu quả của mô hình Châu Âu lục địa và hiệu quả của bộ máy Pháp.
- Cách tiếp cận rất công phu: nghe cả hai bên, tổ chức đối thoại giữa hai mô hình với những học giả nổi tiếng nhất của cả hai trường phái trong nhiều ngày tại Viện NCQLKTTW.
- Nghiên cứu so sánh Luật Công ty của 18 nền kinh tế Châu A-Thái Bình Dương do Kelly Jordan (Canada), giảng dạy ở Hồng Kông là đóng góp quan trọng.
- Kết quả cho thấy sự ưu việt rõ rệt của mô hình Anglo-Saxon được vận dụng vào 18 nền kinh tế Châu A-TBD. Từ đó bắt đầu soạn thảo Luật theo mô hình này, hợp nhất thành một luật thống nhất gọi là Luật Doanh nghiệp.
- Lựa chọn này là bước ngoặt quyết định dựa trên hai căn cứ: điều tra trong nước và kinh nghiệm quốc tế.

QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

- Phương châm và tư tưởng chỉ đạo là đa ra phương án tối đa, dựa vào Hiến pháp và Nghị Quyết TW IV, chuẩn bị lập luận và chứng cứ để tranh luận, thuyết phục.
- Những tư tưởng chính: Thực hiện Điều 57 của Hiến pháp 1992 “mọi tổ chức và công dân có quyền tự do kinh doanh theo pháp luật” tức là được quyền đăng ký, xoá bỏ quyền cho phép của cơ quan nhà nước; bỏ yêu cầu vốn pháp định, thay bằng doanh nghiệp tự “đăng ký trung thực”. Chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, chuyển từ chỉ có cơ quan nhà nước kiểm tra, giám sát sang toàn dân giám sát, thực hiện công khai, minh bạch. Thay cho phương pháp liệt kê các đối tượng được thành lập doanh nghiệp (dài dòng và không thể đầy đủ) sang “phương pháp loại trừ” (negative list) và nghiêm cấm công chức, sử dụng vốn ngân sách để kinh doanh.

QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO (TIẾP THEO)

- Cho phép doanh nghiệp tự đăng ký số ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm, quy định ngành nghề kinh doanh có điều kiện (như bác sĩ, dược phẩm, luật sư). Cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền từ chối quyền kinh doanh của công dân. Lần đầu tiên luật quy định cụ thể nội dung, quy trình, số hồ sơ đăng ký kinh doanh, hạn chế quyền của cơ quan đăng ký kinh doanh, nghiêm cấm đòi hỏi thêm các chứng từ, tài liệu, phân biệt “tính hợp lệ” với “tính trung thực”, quy định thời gian tối đa phải cấp đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp có quyền tố cáo các hành vi sách nhiễu của quan chức, tạo ra sự bình đẳng giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước v.v...
- Quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân (bị bác bỏ) và là tổ chức (được chấp nhận).
- Quy định về công ty hợp danh đã bị bác bỏ tại Hội trường, sau lại được khôi phục với nội dung quá đơn giản và không đầy đủ.

MỘT SỐ NỘI DUNG THẢO LUẬN

- Luật quá dễ dãi, lỏng lẻo, “nhà nước phải quản chặt”, “qua đêm mọc lên 10.000 doanh nghiệp như Tôn Ngộ Không, ai quản được”. Trả lời: vốn pháp định không có tác dụng trong thực tế. Các đối tác với doanh nghiệp biết phân biệt giữa doanh nghiệp 1 tỷ USD và doanh nghiệp 2 USD.
- “Quốc Hội không cần quy định cụ thể đơn xin đăng ký có gì, Đại Hội cổ đông có biên bản thế nào, Quốc Hội chỉ quyết việc lớn, việc này để Chính phủ quy định”. Trả lời: phải quy định rất cụ thể để cho cơ quan nhà nước không thể lạm dụng được, để cho cổ đông đa số không lạm dụng vị thế được. Đây là vấn đề sống còn của đất nước chứ không phải vấn đề kỹ thuật.
- Công ty hợp danh: bác sỹ không cần nhng luật sư thì phải quy định, cuối cùng quy định “chữa cháy” để cứu vãn.

QUÁ TRÌNH THẢO LUẬN

- Gặp sự phản đối dữ dội, chụp mũ, đả kích gay gắt hơn mức đã chuẩn bị tư tưởng. Sự phản đối bắt nguồn từ sự lo ngại về vai trò của kinh tế tư nhân và các định kiến giáo điều (số ít), chủ yếu từ xung đột lợi ích (lo mất quyền, mất lợi) của các đại biểu Quốc Hội là chủ tịch tỉnh hay nắm giữ các ngành.
- Đa số có khả năng phục thiện và đổi mới tư duy nên Dự thảo đã qua được 2 lần thẩm định của UBKT&NS của Quốc Hội, được Đảng Đoàn Quốc Hội thông qua, được Bộ Chính trị đồng ý cho trình ra Quốc Hội với nội dung đổi mới.
- Quá trình tranh luận ở Quốc Hội mất một tuần, lúc 15.10 giờ ngày 29.5.1999 đã được thông qua với 84,5% số đại biểu có mặt. Luật được thông qua có 10 Chương với 124 điều.
- Là một Luật đổi mới có tầm cỡ quốc tế, khác hẳn Luật Công ty của Trung Quốc, được sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức quốc tế và các chính khách quốc tế.

Bảo đảm của Nhà nước

- **Điều 4. Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và người sở hữu doanh nghiệp**
- 1. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp được quy định trong Luật này, bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp, thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh.
- 2. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp.
- 3. Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.
- Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và vì lợi ích quốc gia, Nhà nước quyết định trưng mua hoặc trưng dụng tài sản doanh nghiệp, thì chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của doanh nghiệp được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm quyết định trưng mua hoặc trưng dụng và được tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư, kinh doanh vào lĩnh vực, địa bàn thích hợp.

Quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp

Điều 9. Quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp

Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản của Nhà nước và công quỹ để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
2. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
5. Người chưa thành niên; người thành niên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
6. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;
7. Chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không được quyền thành lập doanh nghiệp, không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn từ một đến ba năm, kể từ ngày doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, trừ các trường hợp quy định tại Luật Phá sản doanh nghiệp;
8. Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam.

Đăng ký kinh doanh

Điều 12. Trình tự thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh

- 1. Người thành lập doanh nghiệp phải lập và nộp đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật này tại cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh.
- 2. Cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các giấy tờ, hồ sơ khác ngoài hồ sơ quy định tại Luật này đối với từng loại hình doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký kinh doanh.
- 3. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm giải quyết việc đăng ký kinh doanh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ; nếu từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Công ty Hợp danh

Điều 95. Công ty hợp danh

- 1. Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó:
 - a) Phải có ít nhất hai thành viên hợp danh; ngoài các thành viên hợp danh, có thể có thành viên góp vốn;
 - b) Thành viên hợp danh phải là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp và phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty;
 - c) Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
- 2. Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

Điều 96. Quyền và nghĩa vụ của thành viên

- 1. Thành viên hợp danh có quyền quản lý công ty; tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty; cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty. 2. Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỷ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lý công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. 3. Thành viên công ty hợp danh có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ

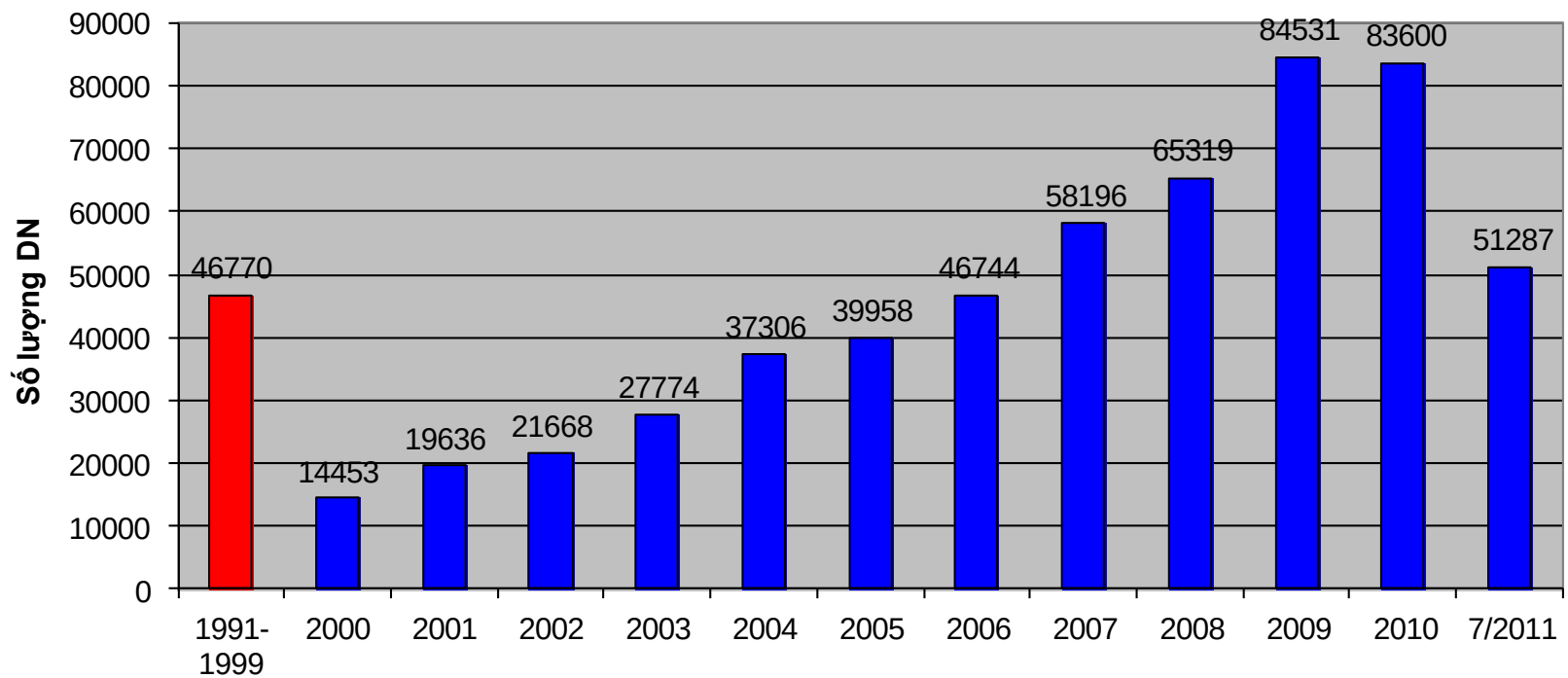
QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sau 5 tháng thực hiện rất chậm, Ban Nghiên Cứu của Thủ
- Tướng đề nghị thành lập Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ KH-ĐT làm tổ trưởng. Chuẩn bị và ban hành 2 Nghị Định thực hiện và xem xét việc bỏ các giấy phép trái với Luật Doanh Nghiệp.
- Hợp tác chặt chẽ và được sự ủng hộ mạnh mẽ của doanh nghiệp và báo chí, truyền hình.
- Điều tra từ các doanh nghiệp phát hiện được 402 giấy phép, trong đó có giấy phép bán báo, giấy phép đánh máy chữ, photocopy, vẽ truyền thần, sửa nhạc cụ dân tộc, giấy phép in sách v.v.. Nhiều giấy phép ban hành không đúng thẩm quyền. Truyền hình, báo chí góp phần quan trọng.
- Trình Thủ Tướng Chính phủ bãi bỏ 114 giấy phép, chuyển đổi 46 giấy phép sang điều kiện kinh doanh, giảm bớt chi phí về thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp.

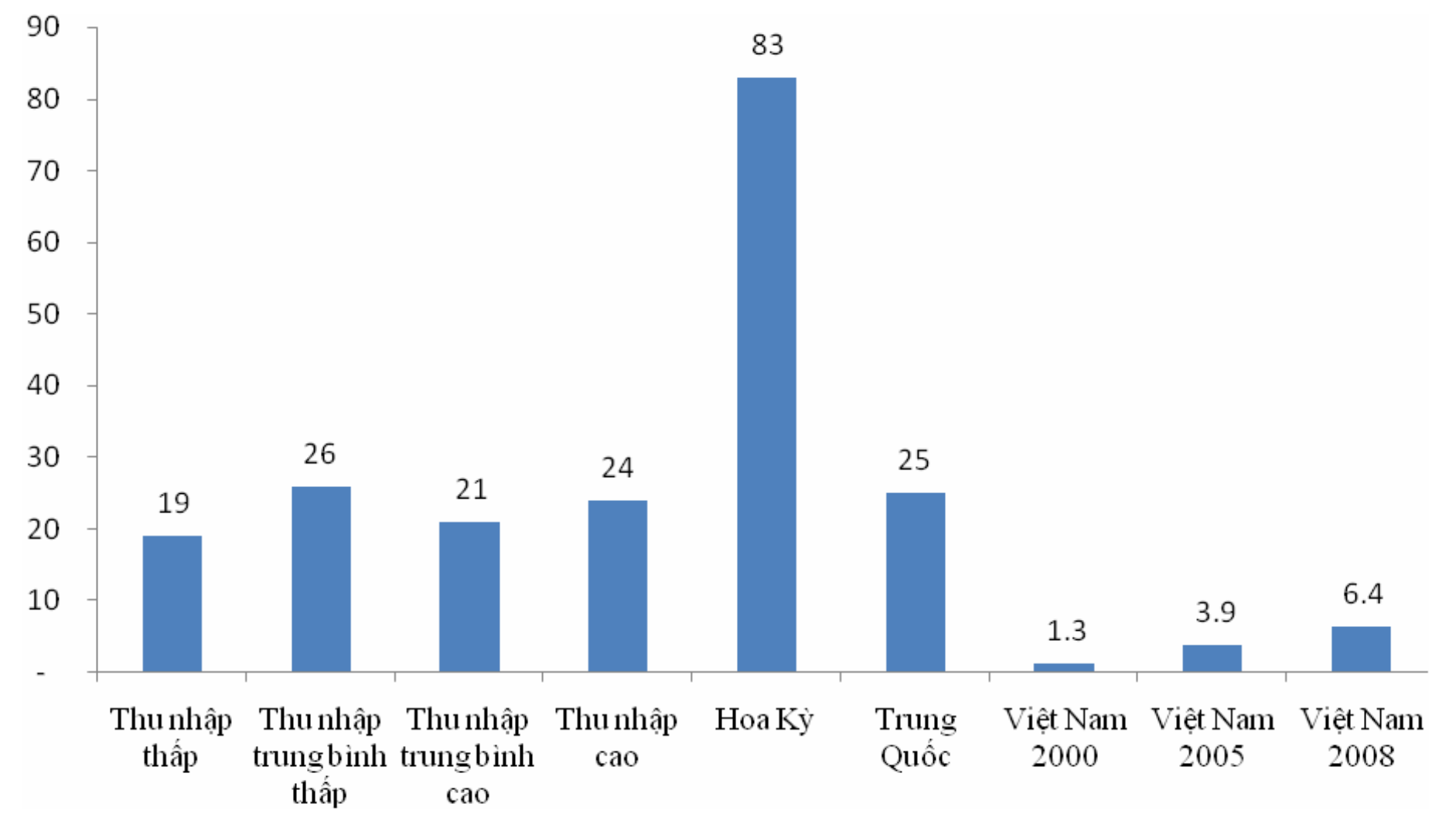
TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP 1999

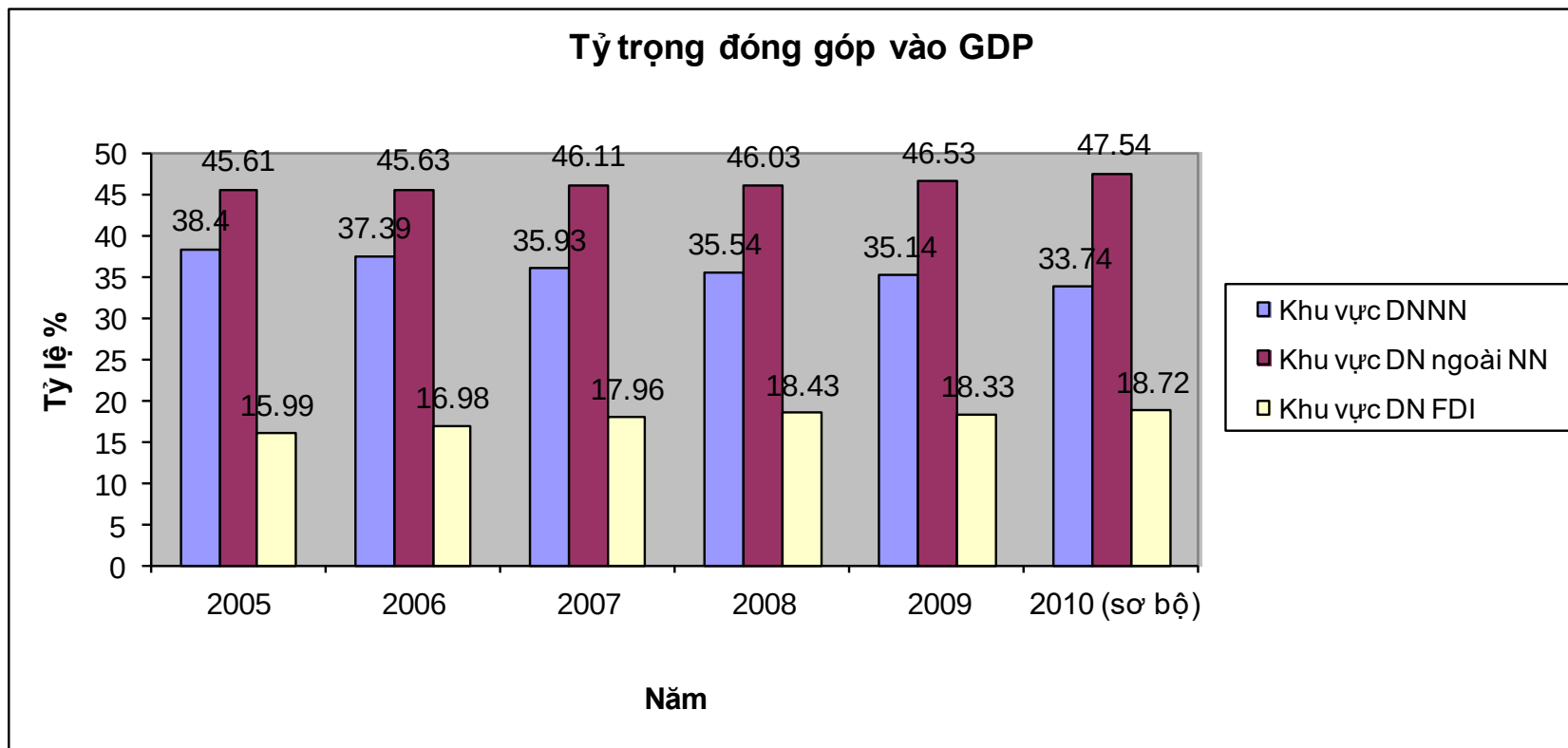
- Giải phóng lực lượng sản xuất, tạo sự bình đẳng về luật pháp đối với khu vực tư nhân. Số doanh nghiệp, số vốn huy động được cao hơn nhiều lần so với 9 năm Luật Công ty. Khu vực tư nhân là kiểm chứng về hiệu quả đối với khu vực nhà nước, tạo việc làm, đóng góp vào xoá đói giảm nghèo và tăng trưởng. Tạo cơ sở pháp lý và niềm tin cho khu vực tư nhân: doanh nghiệp là ân nhân chứ không phải tội nhân, cần tôn trọng chứ chưa cần tôn vinh. Góp phần xoá đói, giảm nghèo.
- Đóng góp vào cải cách hành chính: hệ thống đăng ký kinh doanh, bỏ giấy phép con, công khai minh bạch hơn.
- Tổ Công tác trực thuộc Thủ Tướng thể hiện quyết tâm chính trị để cải cách, song khung pháp lý không rõ ràng, quyết tâm chính trị không ổn định và bền vững. do can thiệp của nhiều phía, Tổ Công tác sau đó đã giảm và không còn hoạt động nữa. Giấy phép con sau đó lại lên đến 330 giấy phép.

Số lượng DN đăng ký thành lập



So sánh số doanh nghiệp trên 1000 dân





Nguồn: Tổng cục Thống kê

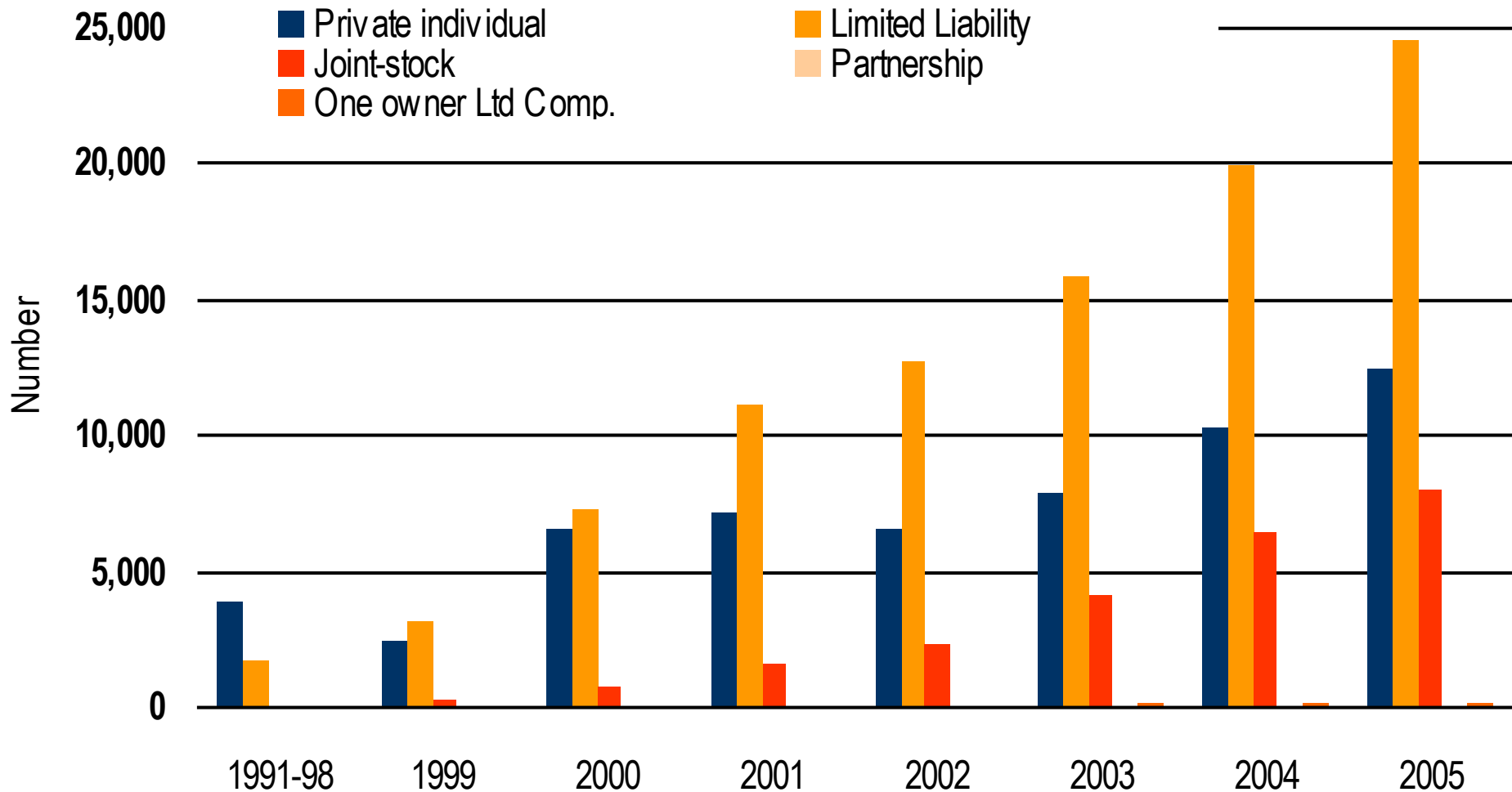
	Khu vực DNNN		Khu vực DN ngoài NN	
	Giai đoạn 2001-2005	Giai đoạn 2006-2009	Giai đoạn 2001-2005	Giai đoạn 2006-2009
Tạo việc làm (%)	43,5	24,1	56,4	76,0
GTSX Công nghiệp (%)	28,9	20,1	71,0	79,9



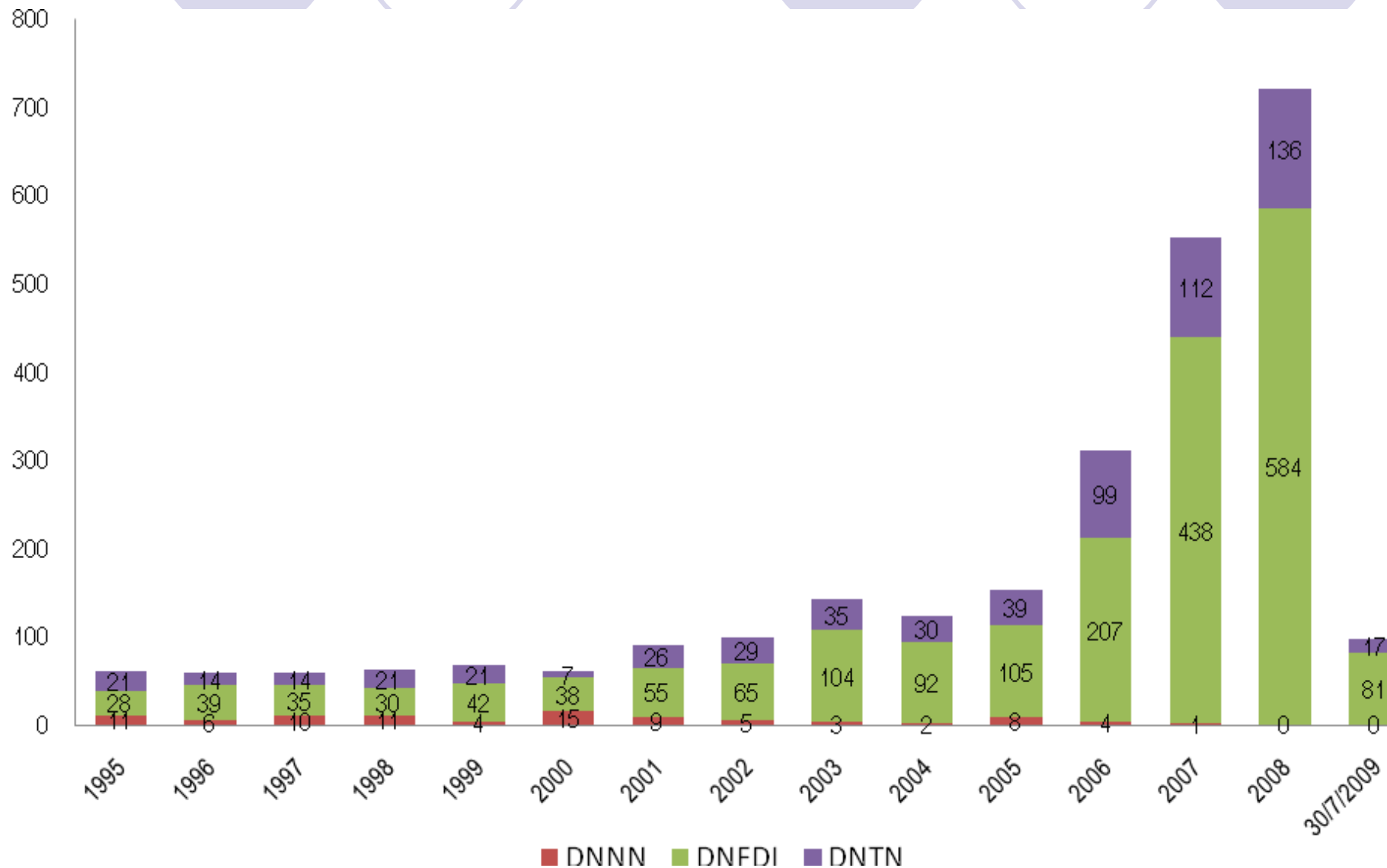
SỐ LIỆU DNNVV CỦA CÁC NƯỚC

- Mỹ có khoảng 27 triệu DNNVV chiếm 99,7% DN; chiếm 53% lực lượng LĐ hàng năm tạo ra gần 20 triệu việc làm; đóng góp gần 50% GDP và 55% các sáng tạo kỹ thuật; 53% DNNVV có trụ sở là nhà ở của mình.
- Nhật Bản 99,4% là DNNVV; gần 52% GDP
- Hàn Quốc 99,9% DNNVV; 88,4% Lao động; 48,8% giá trị sản xuất.
- Thái Lan 99,5% là DNNVV; gần 50% GDP;
- Malaysia 99,2% DNNVV; 32% GDP; 56,4% Lao động

Đăng ký kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp

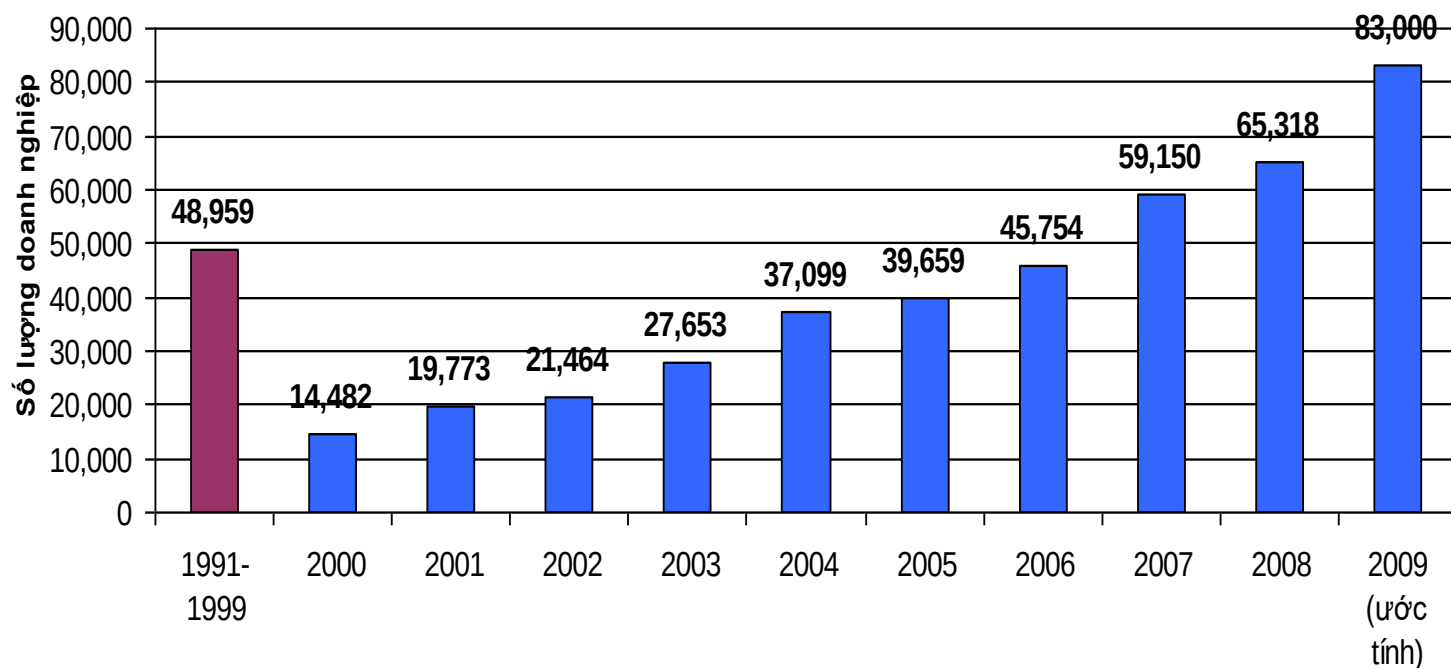


Cơ cấu Doanh nghiệp theo hình thức sở hữu

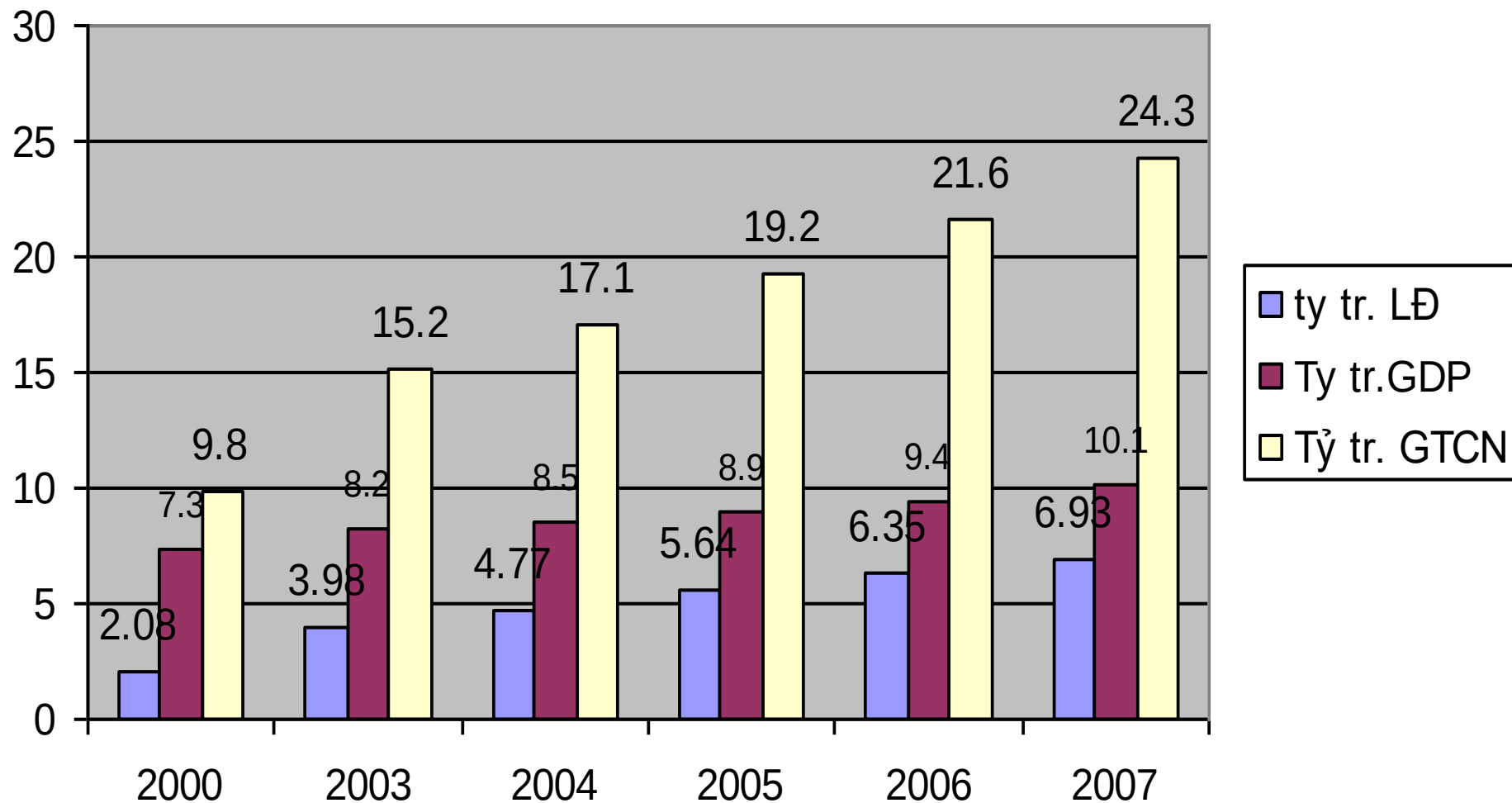


Doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhanh

- 5 registered companies per 1000 population.



Tỷ trọng Doanh nghiệp đăng ký còn quá nhỏ



Quá trình phát triển khó khăn

Các CS, CT trợ
giúp DNNVV

- TẠO LẬP
KD THUẬN TIỆN CHO DN

(đăng ký thành lập DN,
thuế, hải quan,...)

- HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG
LỰC CẠNH TRANH CHO DN
(trợ giúp đào tạo nguồn
nhân lực, xúc tiến mở rộng
thị trường, trợ giúp kỹ thuật
và công nghệ,...)

- TRỢ GIÚP TÀI CHÍNH
(bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ
tín dụng, hỗ trợ thuế và lãi
suất,...)

- HỖ TRỢ DN TIẾP CẬN ĐẤT
ĐAI, MBSX

- CÁC TRỢ GIÚP KHÁC
(pháp lý, tư vấn, tiếp cận
thông tin,...)

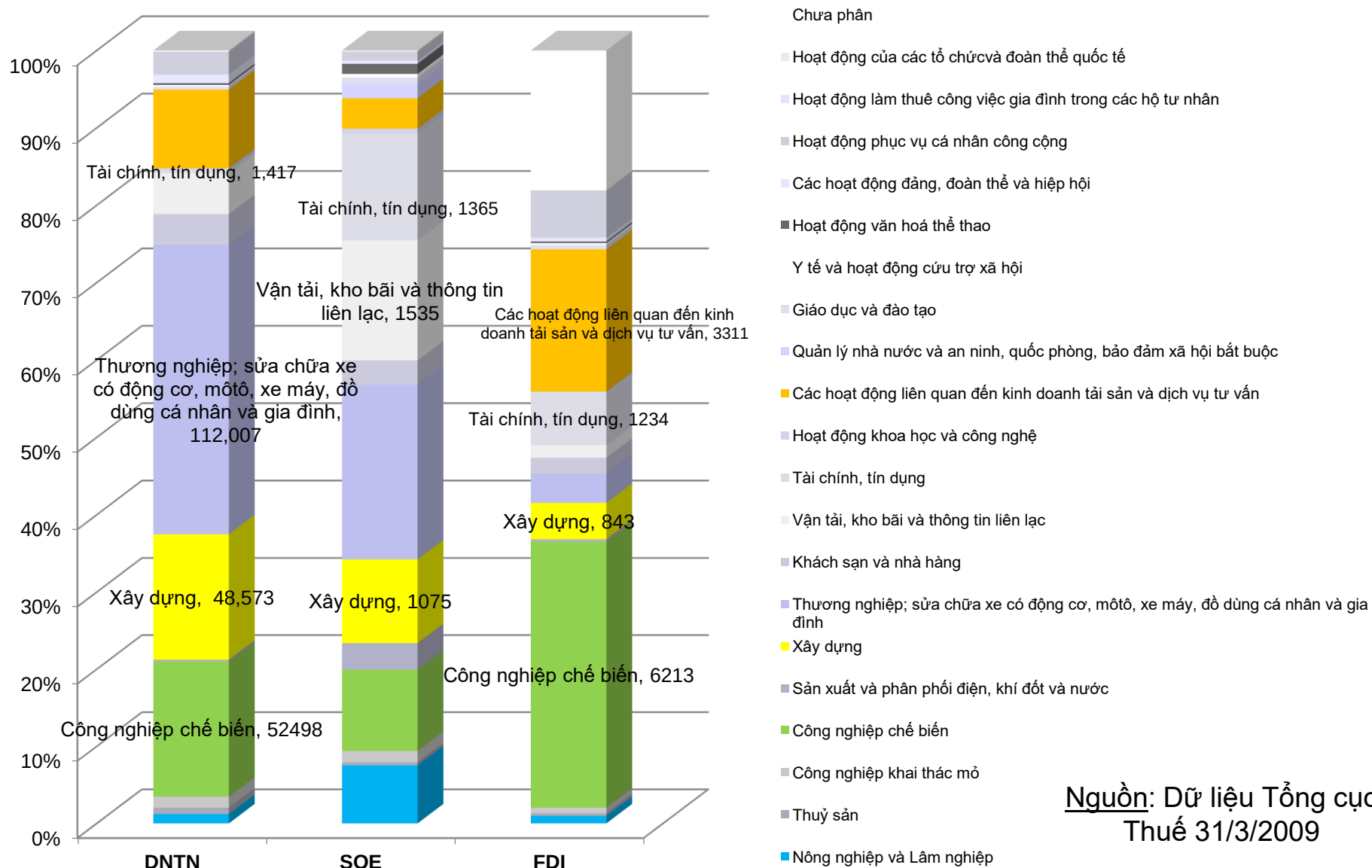
Kết quả

GIẢI ĐOẠN 2006-2010:

- SỐ LƯỢNG DN ĐƯỢC ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP TĂNG NHANH: 338.400 DN
- ĐÓNG GÓP KHOẢNG 47% VÀO GDP
- TẠO RA 2,7 TRIỆU VIỆC LÀM MỚI
- ĐÓNG GÓP KHOẢNG 25% GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
- TỶ LỆ DNNVV TRỰC TIẾP THAM GIA XUẤT KHẨU ĐẠT KHOẢNG 8%

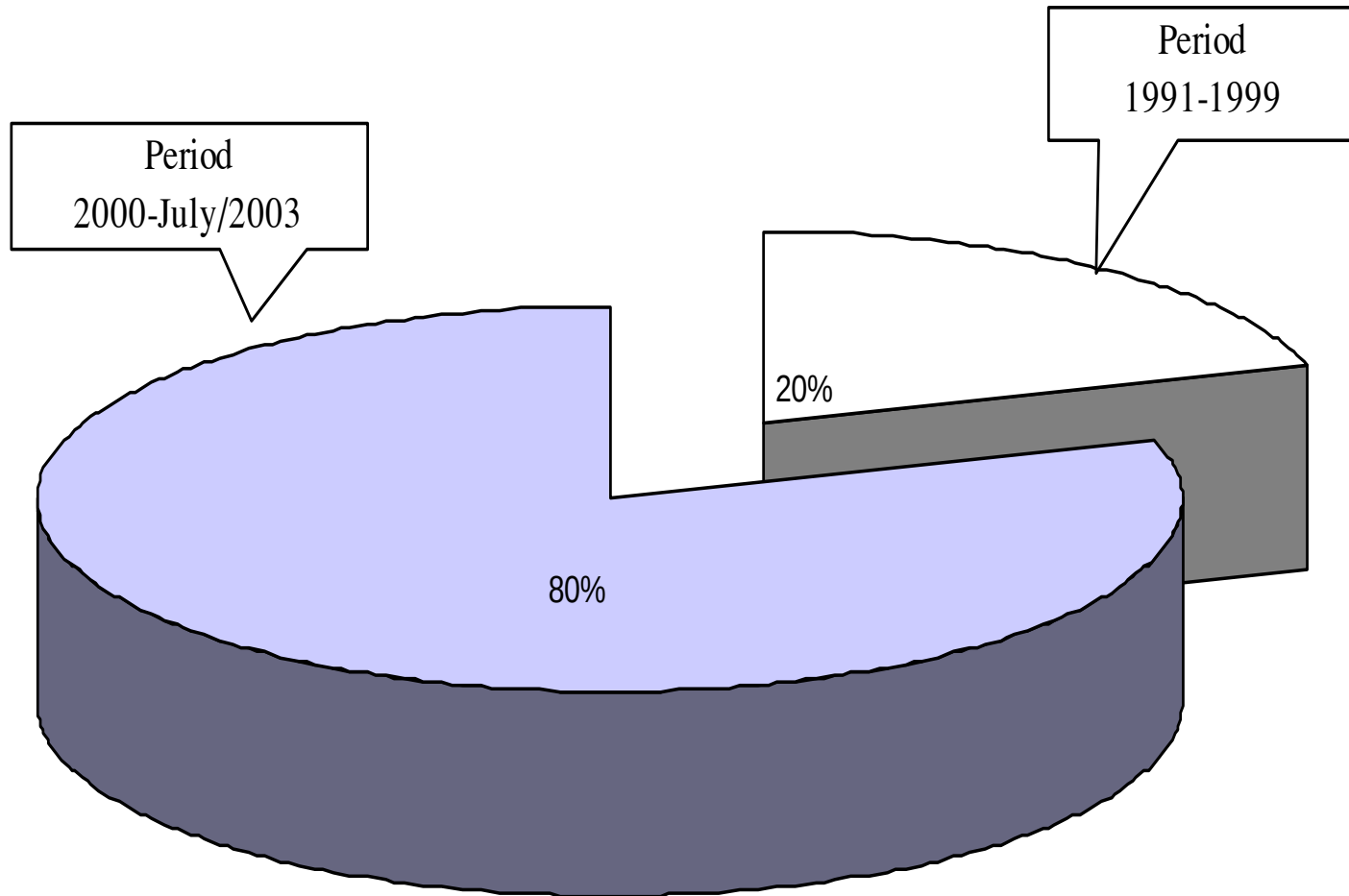
(Số liệu điều tra DN của Tổng cục TK và
BC của Tổng cục Hải quan)

Doanh nghiệp tư nhân chọn ngành nghề nào?

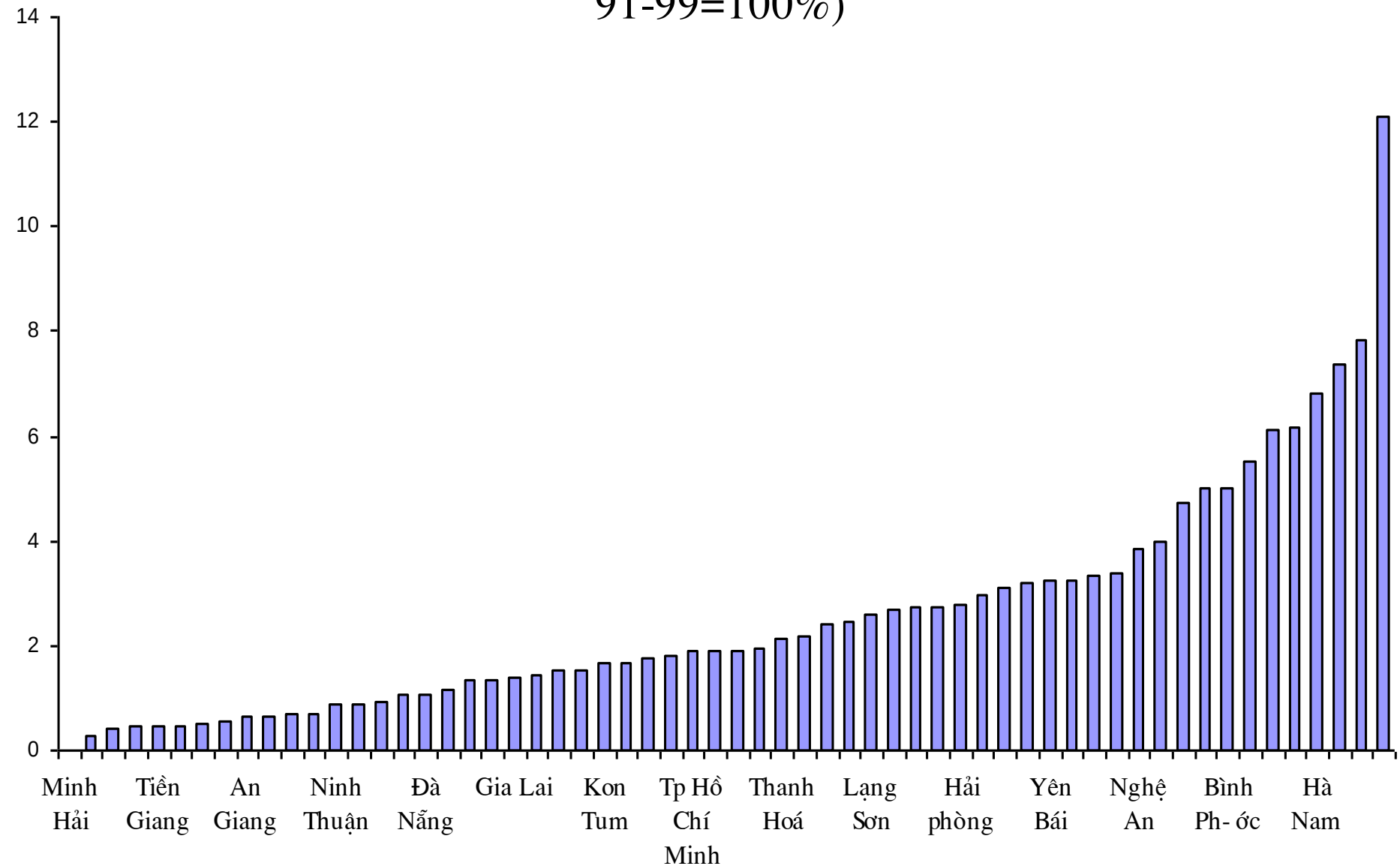


Nguồn: Dữ liệu Tổng cục Thuế 31/3/2009

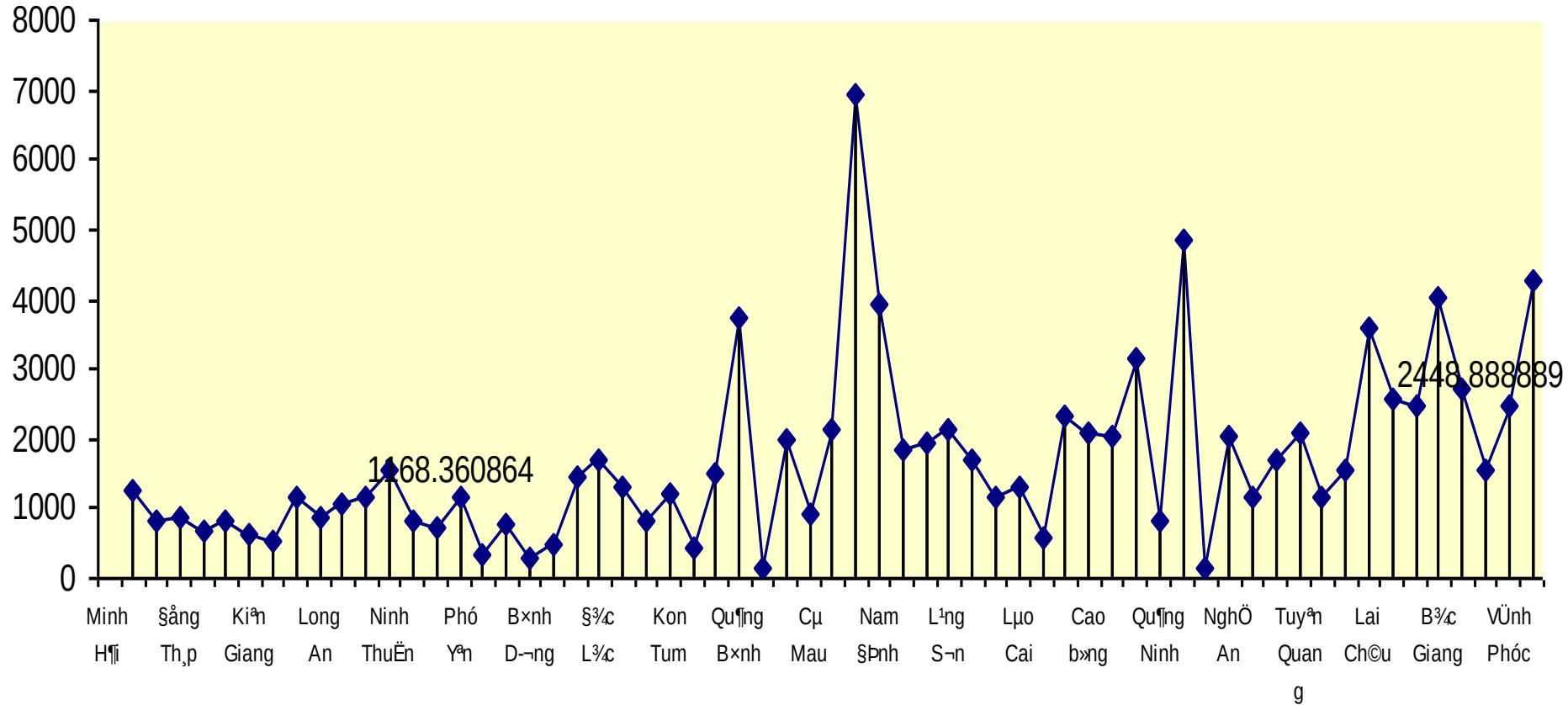
**Share of registered enterprises in the Period between
1991-1999 and 2000-July/2003**
(percent %)



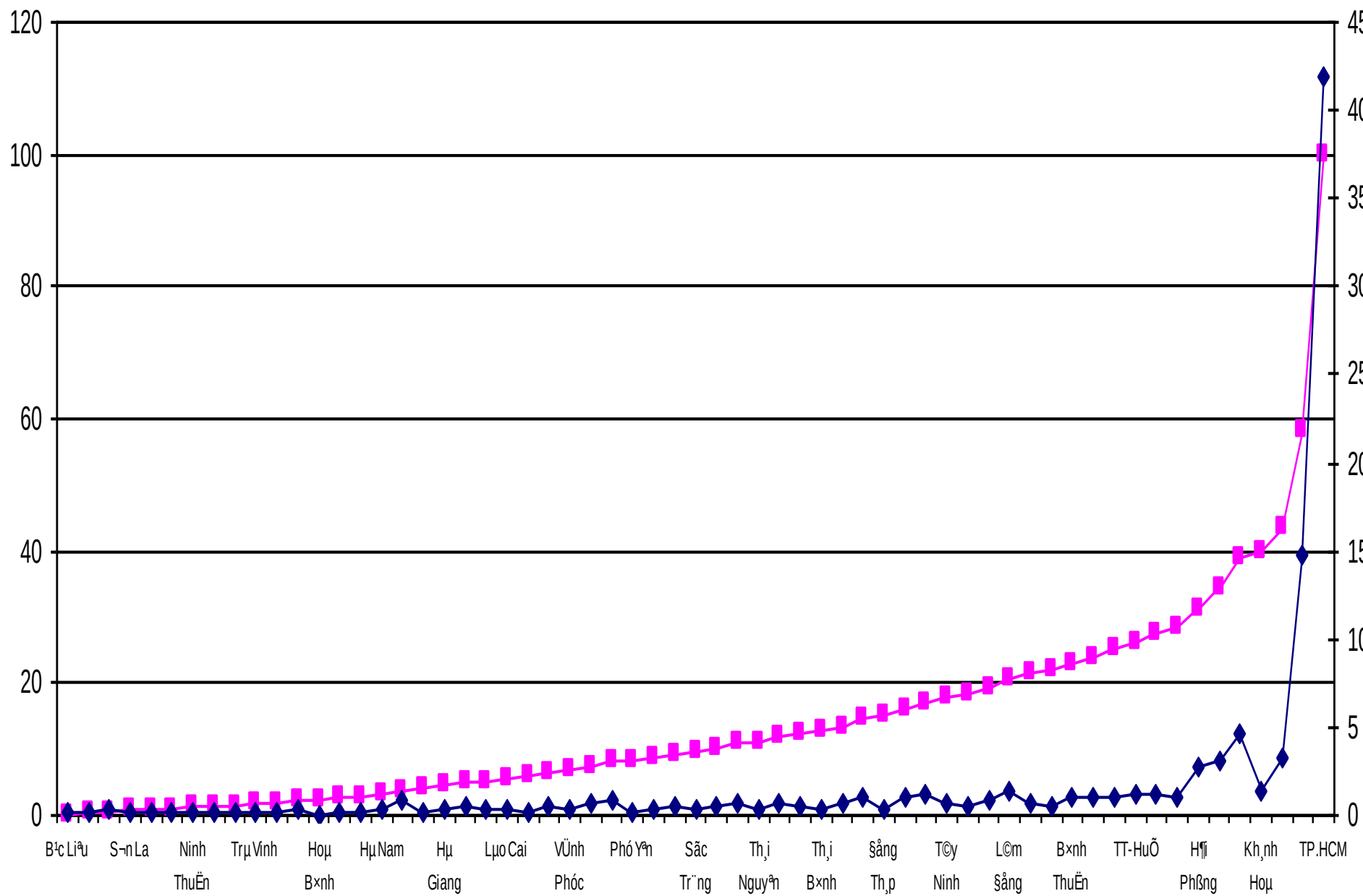
Growth rate of registered enterprises in the period between 2000-July2003 compared to the period 1991-1999 (Period 91-99=100%)



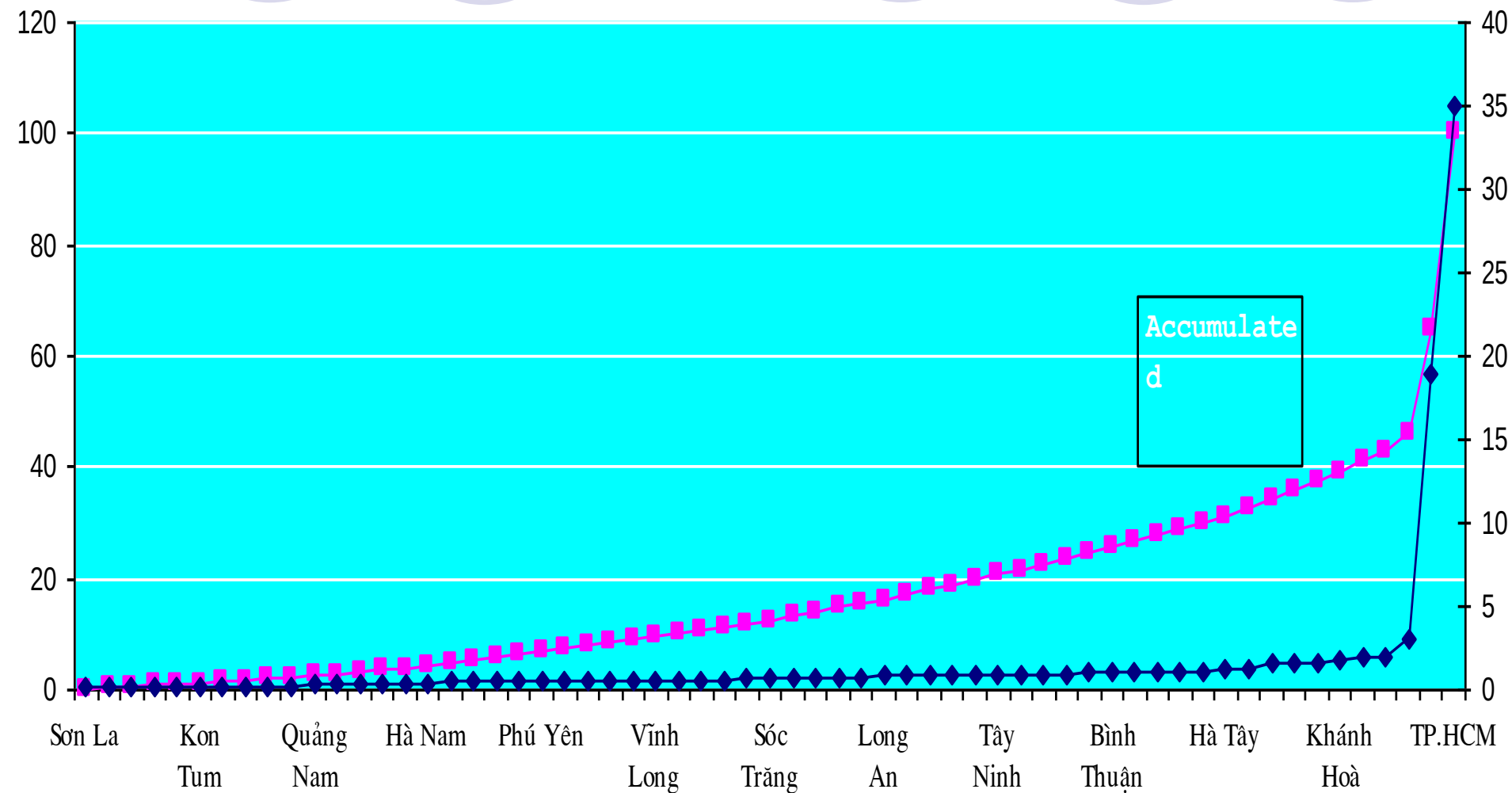
Population per registered enterprises in provinces (Population/enterprise)



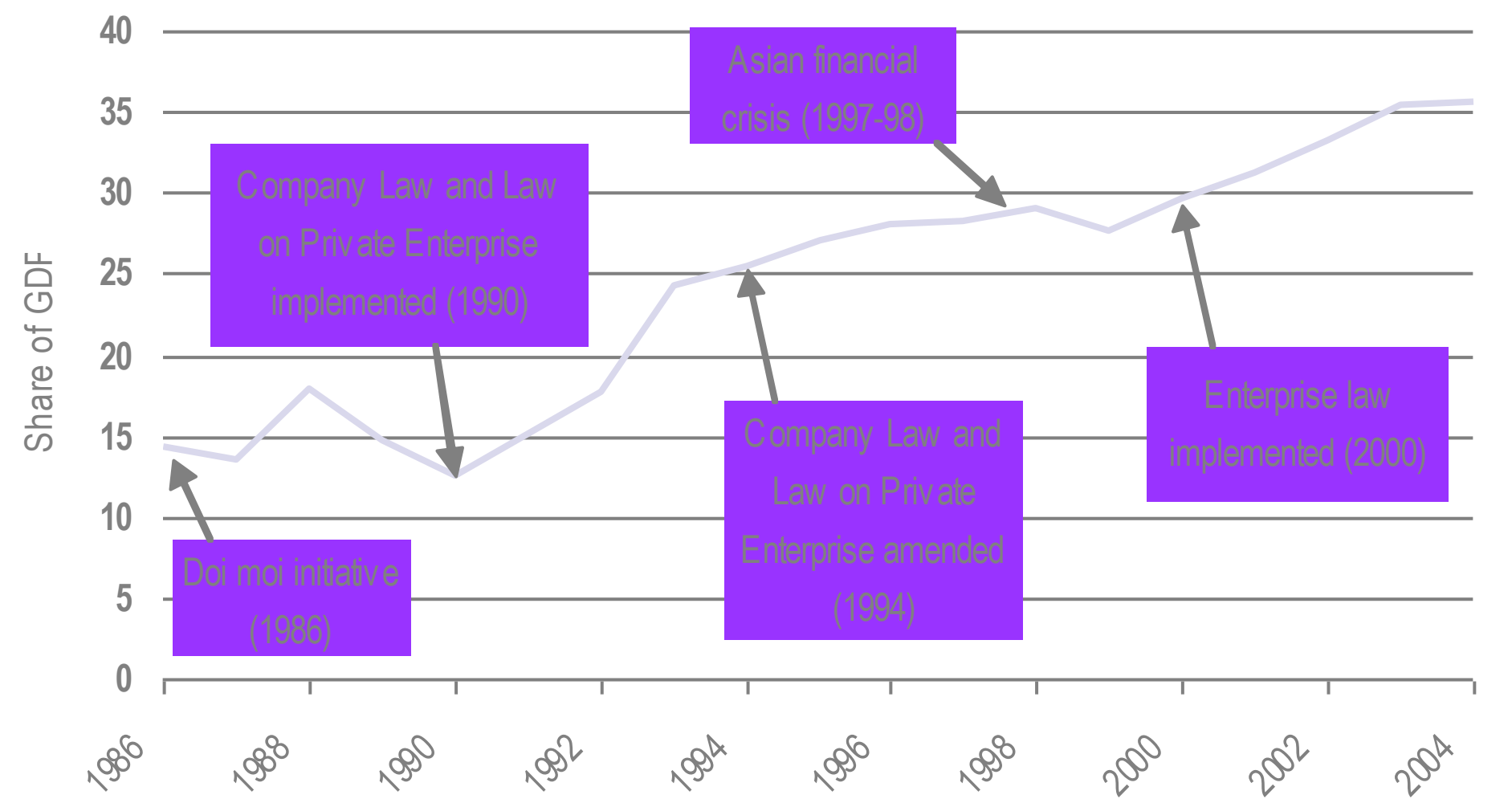
Share of registered capital from total capital in the whole country in 2000(%)



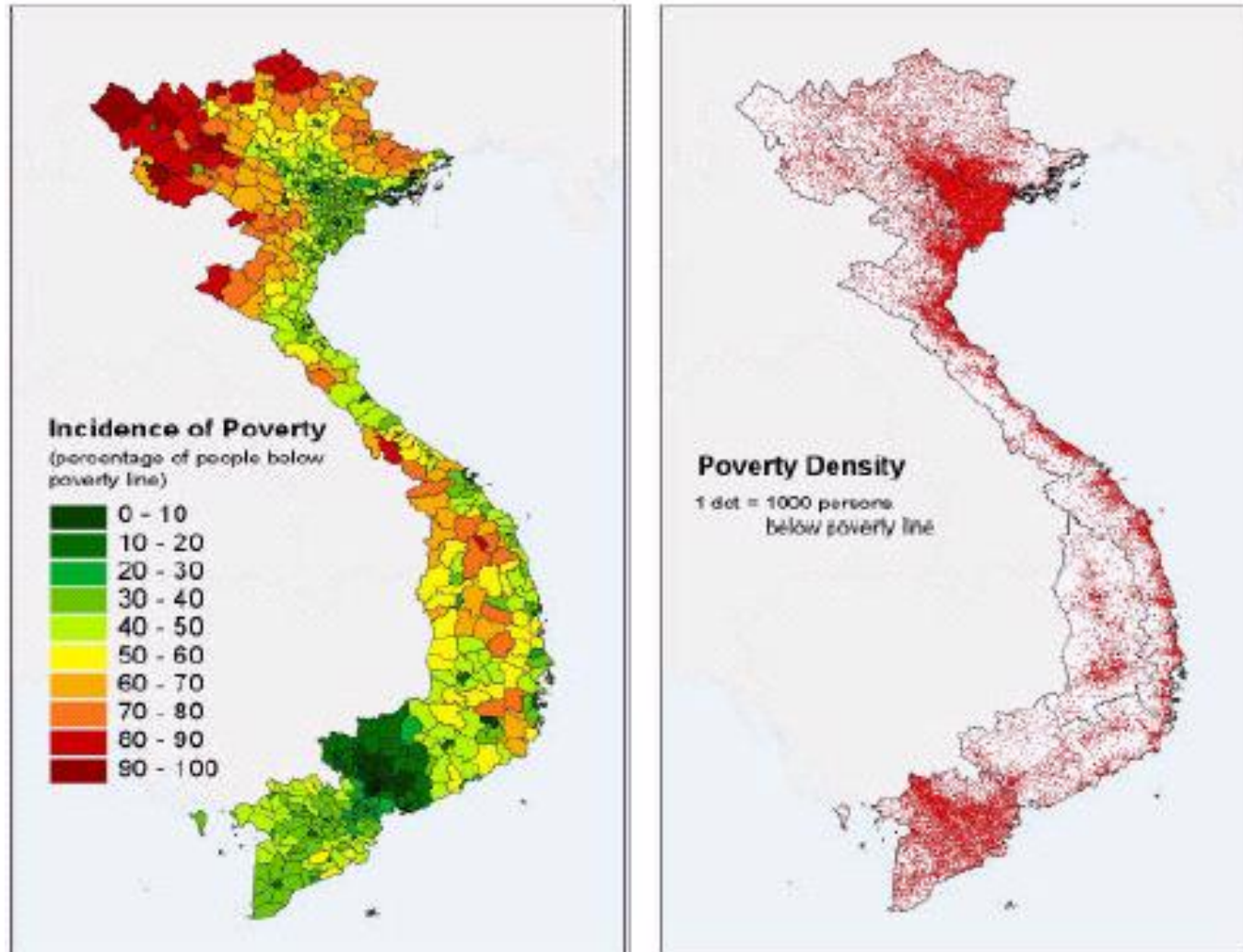
Share of accumulated registered enterprises in the period (2000-7T/20003) (%) according to provinces



Investment as share of GDP and the milestones



The Geographical Distribution of Poverty in the Late 1990s



NHỮNG HẠN CHẾ CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP 1999

- Chỉ là đột phá ở một khâu, chưa thay đổi được hệ thống luật pháp và bộ máy hành chính rất phức tạp. Các luật chuyên ngành khác không theo mô hình Luật Doanh nghiệp.
- LDN 1999 chưa bảo vệ đầy đủ cổ đông thiểu số, chưa cho phép cổ đông thiểu số kiện HĐQT và TGD, Ban Kiểm soát còn là công cụ của HĐQT và TGD hơn là đại diện lợi ích của cổ đông và thực hiện NQ của Đại Hội cổ đông.
- Nhiều nội dung chưa đủ chi tiết, cụ thể như Công ty Hợp danh, hệ thống đăng ký kinh doanh chưa độc lập và thống nhất trong cả nước để chỉ hoạt động theo luật, không chịu quá nhiều sự can thiệp của các cấp.
- Do thiếu tính đồng bộ của bộ máy nên đã phải điều chỉnh một số nội dung: hạn chế số ngành nghề được đăng ký bằng cách nâng mức phí đăng ký và thuế môn bài theo số ngành nghề đăng ký, v.v.

MỘT VÀI BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Tình hình khó khăn là cơ hội cho cải cách để phát huy sức mạnh của dân, song khó khăn chỉ là điều kiện cần song chưa phải là điều kiện đủ để cải cách.
- Cải cách cần có một đội ngũ chuyên gia dám “dấn thân”, hiểu biết thực tế, có lý luận, huy động được sự ủng hộ của báo chí và đông đảo người dân.
- Cải cách cần có quyết tâm chính trị từ cấp cao nhất, chăm lo lợi ích dân tộc, giải quyết xung đột lợi ích bằng công khai minh bạch, giám sát bằng xã hội dân sự như là một đối trọng trong xã hội.
- Hiện nay, cải cách cần có tính hệ thống, đồng bộ, rút kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng toàn cầu và thực hiện các chuẩn mực quốc tế đã được công nhận.
- Nếu không cải cách có hiệu quả, sau khi kinh tế thế giới hồi phục, kinh tế Việt Nam có thể sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM (TIẾP THEO)

- Không thể phát triển kinh tế nếu không cải cách bộ máy nhà nước, không thể thực hiện quyền tự do kinh doanh mà không cải cách chính phủ, thực hiện công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình.
- “Quan hệ”, “cong nghệ phong bì”, “làm đúng luật cũng phải phong bì”, doanh nghiệp quan hệ với nhà nước để thu lợi nhuận dễ dàng bằng cách khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- Một con én không làm nổi mùa xuân, Luật Doanh nghiệp đơn độc chỉ tạo ra đột phá, sau đó ít có tiến bộ mà còn có nhiều thụt lùi.
- Sau 10 năm Việt Nam lại đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn. Cho đến nay chưa thấy có đột phá như Luật Doanh nghiệp 1999.

Doanh nghiệp gặp khó khăn gay gắt

- Số doanh nghiệp ngừng hoạt động lên đến khoảng 30% tổng số doanh nghiệp đã đăng ký. Một số ngành gặp khó khăn lớn như xây dựng, xi măng, sắt thép, bất động sản nhưng dệt may, da giày cũng bị giảm sút. Dược phẩm, y tế, giáo dục vẫn phát triển khá. Tồn kho có giảm dần nhưng vẫn ở mức cao (29.4%).
- Hai khó khăn chính: không tiếp cận được vốn, không tiêu thụ được hàng hóa. Chiếm dụng vốn diễn ra phổ biến. Tồn tại đã là thắng lợi.
- Số người thất nghiệp tăng cao.
- Khả năng phục hồi sẽ chậm và thị trường còn biến động.

Doanh nghiệp tự cứu mình

- Doanh nghiệp phải tự điều chỉnh sản xuất-kinh doanh theo tín hiệu thị trường, tập trung vào những mảng thị trường có tiềm năng. Doanh nghiệp phải tái cấu trúc để tồn tại và tiếp tục hiện đại hóa công nghệ, quản trị nâng cao chất lượng nhân lực cốt lõi.
- Vận dụng công nghệ thông tin, liên doanh, liên kết, hợp tác để giảm chi phí.
- Tận dụng các khả năng trợ giúp của nhà nước trung ương và địa phương (dẫn thuế, tiền thuê đất v.v.).
- Sáp nhập hay mua bán doanh nghiệp, kể cả với doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc v.v..

5 trở ngại chính của doanh nghiệp

1. Vốn

2. Cơ sở hạ tầng

3. Thủ tục hành chính

4. Lao động, nhân lực

5. Thuế

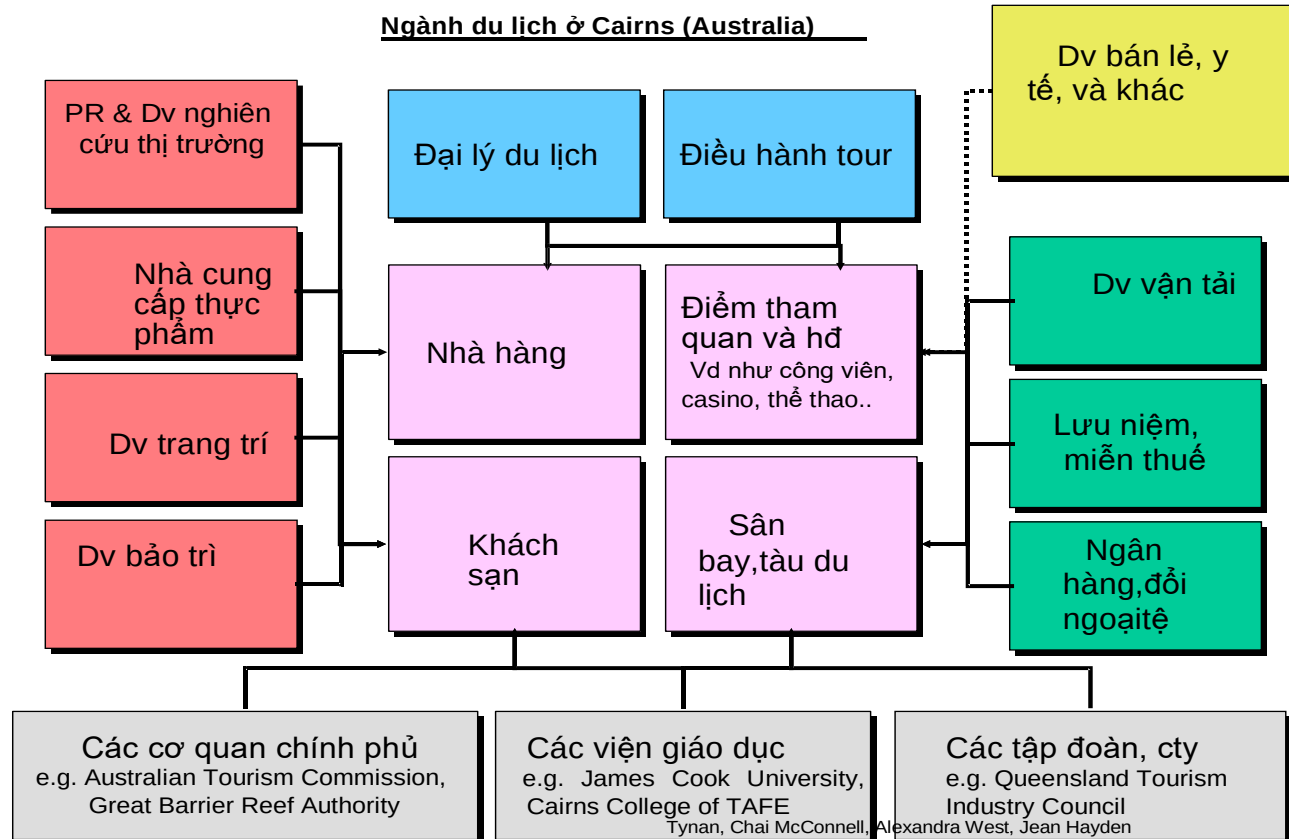
Những khó khăn của DN từ điều tra PCI năm 2007, 2008 đến 2012 vẫn chưa có thay đổi

ĐBSCL có tỷ lệ DN phá sản, giải thể cao nhất với 13,6% tổng số doanh nghiệp điều tra. TCTK, KT 6 tháng đầu năm 2012

Cụm ngành và chuỗi giá trị

Clusters và lợi thế cạnh tranh

Ngành du lịch ở Cairns (Australia)



Sources: HBS student team
research (2003) - Peter